

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 06/2024/KDTM-GĐT

Ngày 04/9/2024

V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng
hóa, hợp đồng vay tài sản, trách nhiệm do
chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

**- Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng
gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tào

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Cường và ông Nguyễn Tấn Long.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hằng - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp
cao tại Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên
tòa:** Ông Nguyễn Văn Chiến - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở
phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án “*Tranh chấp yêu cầu chấm dứt hợp đồng ủy
quyền*”, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần C1; địa chỉ: Số B P, phường H, thành phố
Q, tỉnh Bình Định.**

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Hồng Q - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 228/GUQ-QNP ngày
07/3/2023 và Giấy ủy quyền số 598/GUQ-QNP ngày 30/5/2023):

**1.1. Ông Võ Gia H, sinh năm 1996; địa chỉ: Số B P, phường H, thành phố Q,
tỉnh Bình Định.**

**1.2. Bà Đặng Thị Kim D, sinh năm 1992; địa chỉ: Tổ F, khu B, phường B,
thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.**

**1.3. Ông Hồ Liên N, sinh năm 1976; địa chỉ: Số C L, thành phố Q, tỉnh Bình
Định.**

2. Bị đơn: **Công ty TNHH V**; địa chỉ: Số D C, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ Văn phòng đại diện: Số E T, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Trịnh Văn H1** - Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền (Giấy uỷ quyền số 01/2024/UQ-CL ngày 30/01/2024):

2.1. Ông Nguyễn Đức A - Trưởng phòng Pháp chế; địa chỉ: Số D H, tổ dân phố H, phường C, quận B, thành phố Hà Nội.

2.2. Bà Nguyễn Thị N1; địa chỉ: Số E T, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Dương Thị Phương T, sinh năm 1982; địa chỉ: Số E T, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

3.2. Bà Phạm Thị Thúy L, sinh năm 1994; địa chỉ: Số B P, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

3.3. Ông Nguyễn Kim T1, sinh năm 1975; địa chỉ: Số B P, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

NHẬN THẤY:

- Nguyên đơn, Công ty Cổ phần C1 trình bày:

Ngày 23/11/2021, Công ty Cổ phần C1 (sau đây viết tắt là Cảng Q) khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH V (sau đây viết tắt là Công ty V) thanh toán 283.997.529 đồng tiền mua dầu còn nợ. Ngày 11/5/2023, Công ty V đã thanh toán xong số tiền này, nên ngày 24/5/2023, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Công ty V thanh toán tiền lãi chậm trả của số tiền 283.997.529 đồng mua dầu tính từ ngày chậm trả theo từng hoá đơn với lãi suất 10%/năm, số tiền Cảng Q yêu cầu Công ty V phải trả là 124.513.757 đồng.

Cảng Q không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn, vì không nợ tiền của Công ty V. Cảng Q đang tạm giữ trong tài khoản của Cảng Q số tiền 1.133.250.000 đồng giúp cho chị Phạm Thị Thúy L (trước đây là Thủ quỹ của Cảng Q). Khi các bên liên quan có yêu cầu, Cảng Q sẽ trả lại; việc trả lại cho ai do các bên tự thống nhất với nhau, Cảng Q không can thiệp, không có ý kiến gì.

- Bị đơn, Công ty TNHH V trình bày:

Công ty TNHH V (sau đây viết tắt là Công ty V) thừa nhận có nợ 283.997.529 đồng tiền mua dầu của Cảng Q, nhưng Cảng Q cũng nợ tiền phí lai dất tàu của Công ty V. Trước đây, Công ty V đã nhiều lần yêu cầu đối trừ công nợ giữa hai bên, nhưng Cảng Q không đồng ý. Đến ngày 11/5/2023, Công ty V đã thanh toán xong số tiền 283.997.529 đồng cho Cảng Q, do đó không chấp nhận việc yêu cầu thanh toán lãi chậm trả của nguyên đơn.

Công ty V có yêu cầu phản tố: Ngày 01/02/2018, ông Lê Hồng T2 là Chủ tịch Hội đồng quản trị, kiêm Tổng Giám đốc của Cảng Q trực tiếp hỏi bà Nguyễn Thị

N1 là Giám đốc Công ty V để vay tiền. Bà N1 đồng ý cho vay, nên bà Dương Thị Phương T là nhân viên của Công ty V đã trực tiếp mang tiền đến giao cho bà Phạm Thị Thúy L là Thủ quỹ của Cảng Q. Bà L viết Phiếu thu số 0003810 ngày 01/02/2018 thu số tiền này. Phiếu thu có đóng dấu “Tài vụ Cảng Q đã thu tiền”. Bà N1 đã nhiều lần đề nghị Cảng Q trả tiền, nhưng Cảng Q không trả. Hiện nay số tiền này đang được lưu giữ tại tài khoản của Cảng Q. Vì vậy, Công ty V có yêu cầu phản tố, yêu cầu Cảng Q phải trả lại cho Công ty V số tiền 1.133.250.000 đồng và tiền lãi vay tính từ ngày vay 01/02/2018.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Dương Thị Phương T trình bày:

Ngày 01/02/2018, theo sự chỉ đạo của Giám đốc Công ty V (bà Nguyễn Thị N1), bà mang 1.133.250.000 đồng sang giao cho Cảng Quy N2 và bà Phạm Thị Thúy L là Thủ quỹ C đã viết phiếu thu, có đóng dấu của Cảng Q. Vì vậy, bà thống nhất yêu cầu khởi kiện của Công ty V, đề nghị Cảng Q phải trả lại cho Công ty V số tiền nêu trên và lãi suất theo quy định.

Bà Phạm Thị Thúy L trình bày:

Ngày 01/02/2018, bà Dương Thị Phương T là nhân viên của Công ty V có đến gặp bà để giao 1.133.250.000 đồng, bà có hỏi ý kiến của ông Nguyễn Kim T1 là Kế toán Cảng Q. Ông T1 chỉ đạo bà thu, nên bà đã thu số tiền này và viết Phiếu thu số 0003810 ngày 01/02/2018, phiếu thu có đóng dấu “Tài vụ Cảng Q đã thu tiền”. Bà là Thủ quỹ của Cảng Q, thực hiện việc thu là theo sự chỉ đạo của Kế toán trưởng và Lãnh đạo Cảng. Bà không liên quan đến số tiền trên, nên không có ý kiến gì khác.

Ông Nguyễn Kim T1 trình bày:

Ông là Kế toán của Cảng Q. Ngày 01/02/2018, khi bà Phạm Thị Thúy L có hỏi ý kiến ông về việc thu 1.133.250.000 đồng, ông đã điện thoại cho bà Nguyễn Thị N1 là Giám đốc Công ty V để hỏi về số tiền, sau đó đồng ý cho bà L thu. Khi bà L hỏi, thì ông đồng ý thu, còn thu số tiền này như thế nào là do bà L với bà Dương Thị Phương T biết. Nay, Công ty V yêu cầu Cảng Q trả tiền, ông không chấp nhận, vì Cảng Quy N2 không thu tiền và giữ tiền của Công ty V. Cảng Q chỉ thu tiền và giữ tiền của bà Phạm Thị Thúy L.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 52/2023/KDTM-ST ngày 06/9/2023, Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 373, 357, 463, 466, 468 và 469 của Bộ luật Dân sự; các Điều 24, 50, 54 và 55 của Luật Thương mại; các khoản 3, 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần C1 về việc yêu cầu Công ty TNHH V thanh toán tiền lãi chậm trả đối với số tiền mua bán dầu 283.997.529 đồng.

2. Đối với số tiền mua bán dầu 283.997.529 đồng, Công ty TNHH V đã thanh toán xong, Công ty Cổ phần C1 đã thay đổi yêu cầu khởi kiện vào ngày 24-5-2023, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty TNHH V, buộc Công ty Cổ phần C1 có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH V số tiền gốc là 1.133.250.000 đồng, tiền lãi là 631.768.000 đồng, tổng cộng là 1.765.018.000 đồng (một tỷ bảy trăm sáu mươi lăm triệu không trăm mười tám nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

- Ngày 19/9/2023, nguyên đơn là Công ty Cổ phần C1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm nêu trên.

Tại Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 05/2024/KDTM-PT ngày 12/4/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 373, 357, 463, 466, 468 và 469 của Bộ luật Dân sự; các Điều 24, 50, 54 và 55 của Luật Thương mại; các khoản 2, 5 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn là Công ty Cổ phần C1; sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 52/2023/KDTM-ST ngày 06/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần C1.

Buộc Công ty TNHH V phải trả cho Công ty Cổ phần C1 124.513.757 đồng (một trăm hai mươi bốn triệu năm trăm mười ba nghìn bảy trăm năm mươi bảy đồng) tiền lãi chậm trả của số tiền mua bán dầu là 283.997.529 đồng (hai trăm tám mươi ba triệu chín trăm chín mươi bảy nghìn năm trăm hai mươi chín đồng).

Đối với số tiền mua bán dầu 283.997.529 đồng (hai trăm tám mươi ba triệu chín trăm chín mươi bảy nghìn năm trăm hai mươi chín đồng) Công ty TNHH V đã thanh toán xong cho Công ty Cổ phần C1.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của Công ty TNHH V; buộc Công ty Cổ phần C1 có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH V số tiền gốc 1.133.250.000 đồng (một tỷ một trăm ba mươi ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng); không chấp nhận yêu cầu trả tiền lãi của số tiền 1.133.250.000 đồng của Công ty TNHH V.

Ngoài ra, bản án phúc thẩm còn quyết định về án phí.

- Ngày 09/5/2024, bị đơn là Công ty TNHH V có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm nêu trên.

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 02/2024/KN-KDTM ngày 01/4/2024, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:

Đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử giám đốc thẩm, sửa bản án kinh doanh thương mại nêu trên theo hướng: (1) Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần C1 về việc yêu cầu Công ty TNHH V thanh toán tiền lãi chậm trả đối với số tiền mua bán dầu 283.997.529 đồng, (2) Chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty TNHH V, buộc Công ty Cổ phần C1 có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH V số tiền gốc là 1.133.250.000 đồng và tiền lãi trên số tiền nợ gốc tính từ ngày 02/4/2019 đến ngày 06/9/2023.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng chấp nhận kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

XÉT THẤY:

[1]. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ngày 23/11/2021, Cảng Q yêu cầu Công ty V thanh toán tiền mua dầu còn nợ từ năm 2018 là 238.997.529 đồng và không yêu cầu thanh toán tiền lãi; tại Biên bản lấy lời khai ngày 02/11/2022, người đại diện theo ủy quyền của Cảng Q tiếp tục đề nghị buộc Công ty V thanh toán tiền mua dầu còn nợ, không yêu cầu tính lãi và ngày 11/5/2023, Công ty V đã thanh toán đủ số tiền mua dầu cho Cảng Q (Ủy nhiệm chi - Bút lục số 343). Tuy nhiên, ngày 24/5/2023, Cảng Q bổ sung yêu cầu khởi kiện, xác định Công ty V đã thanh toán đủ số tiền mua dầu còn nợ, nhưng lại yêu cầu Công ty V thanh toán tiền lãi chậm trả.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở để xác định, từ năm 2018, khi hai bên thống nhất có khoản tiền mua dầu mà Công ty V còn nợ là 238.997.529 đồng, thì phía Công ty V đã nhiều lần có văn bản đề nghị khấu trừ vào phí lai dất tàu mà Cảng Q còn nợ Công ty V, nhưng do hai bên chưa thống nhất với nhau về phí lai dất, nên chưa khấu trừ, do đó Công ty V không vi phạm nghĩa vụ thanh toán; đồng thời, việc bổ sung yêu cầu khởi kiện đòi tiền lãi chậm trả của phía Cảng Q đã vi phạm với chính cam kết của mình trong quá trình giải quyết vụ án (không yêu cầu tính lãi). Do đó, yêu cầu thanh toán tiền lãi chậm trả sau khi Công ty V đã thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền của Cảng Q là không có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm quyết định: “Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần C1 về việc yêu cầu Công ty TNHH V thanh toán tiền lãi chậm trả đối với số tiền mua bán dầu 238.997.529 đồng” là đúng pháp luật, Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, buộc: “Công ty TNHH V phải trả cho Công ty Cổ phần C1 124.513.757 đồng tiền lãi chậm trả của số tiền mua bán dầu 238.997.529 đồng” là không đúng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty V.

[2]. Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn:

[2.1]. Đối với yêu cầu trả tiền gốc:

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là Công ty V có yêu cầu phản tố, buộc Cảng Q phải trả 1.133.250.000 đồng mà ông Lê Hồng T2 - Tổng Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật của C1 đã vay ngày 01/02/2018 để phục vụ cho công việc của C; nguyên đơn là Cảng Q không đồng ý yêu cầu này, mà cho rằng khi nhân viên của

Công ty V giao tiền, bà Phạm Thị Thúy L (Thủ quỹ của Cảng Q) tự nhận tiền, tự viết phiếu thu, tự sử dụng con dấu tài vụ của Cảng Q để đóng vào phiếu thu là không hợp lệ, đây là khoản tiền của cá nhân bà L, Cảng Q chỉ giữ tiền thay cho bà L trong tài khoản của Cảng Q, khi các bên liên quan có yêu cầu, Cảng Q sẽ trả lại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Thị Thúy L khẳng định, ngày 01/02/2028, khi bà Dương Thị Phương T (Nhân viên Công ty V) đem số tiền 1.133.250.000 đồng đến Cảng Q, bà đã hỏi ông Nguyễn Kim T1 và ông được T1 chỉ đạo bà thu số tiền này, do đó bà đã viết Phiếu thu số 0003810 ngày 01/02/2018 rồi đóng dấu “Tài vụ Cảng Q đã thu tiền”; ông Nguyễn Kim T1 là Kế toán của Cảng Q xác định, khi được bà L hỏi, ông đã điện thoại hỏi bà Nguyễn Thị N1 (Giám đốc Công ty V) về số tiền, sau đó đồng ý cho bà L thu số tiền này. Ngoài ra, tại các Báo cáo tài chính của Cảng Q năm 2022 và Quý I đều thể hiện số tiền này trong mục “Phải trả khác ngắn hạn”.

Đối với Thông báo số 211/TB-PC03 ngày 03/01/2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B về việc không khởi tố vụ án hình sự, có nội dung: “Số tiền 1.133.250.000 đồng theo phiếu thu ... là bà Nguyễn Thị N1 đã sử dụng nguồn tiền của Công ty cho ông Lê Hồng T2 - Nguyên Tổng Giám đốc 1 của Cảng Q mượn cá nhân”. Xét thấy, Thông báo này cũng chỉ là một trong những nguồn chứng cứ theo quy định tại Điều 94 của Bộ luật Tố tụng dân sự và được xem xét nếu chứng cứ này phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án; nội dung của Thông báo (nêu trên) không thuộc trường hợp: “Những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh” theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Như vậy, căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở để kết luận, ngày 01/02/2028, Cảng Q có vay của Công ty V số tiền 1.133.250.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm: “... Buộc Công ty Cổ phần C1 có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH V số tiền gốc 1.133.250.000 đồng...” là có căn cứ.

[2.2]. Đối với yêu cầu trả tiền lãi:

Do có cơ sở để xác định Cảng Q có vay 1.133.250.000 đồng của Công ty V, nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc Cảng Q phải trả tiền lãi trên tổng số tiền vay cho Công ty V là đúng pháp luật, Tòa án cấp phúc thẩm căn cứ vào nội dung Thông báo số 211/TB-PC03 ngày 03/01/2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B về việc không khởi tố vụ án hình sự để không chấp nhận yêu cầu tính lãi trên số tiền 1.133.250.000 đồng đã làm thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty TNHH V. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm tính lãi từ ngày 01/02/2018 là không đúng; trường hợp này, phải tính lãi kể từ ngày phát sinh tranh chấp, vì khi vay các bên không thỏa thuận thời hạn trả nợ và mức lãi suất. Do đó, để giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật, thì thời điểm tính lãi phải tính từ ngày 02/4/2019 (ngày Công ty V khởi kiện đòi số tiền cho vay) đến ngày 06/9/2023 (ngày xét xử sơ thẩm).

Đây là vụ án tranh chấp kinh doanh thương mại, nên theo hướng dẫn tại Điều 11 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán

Toà án nhân dân tối cao, thì mức lãi suất được tính theo lãi suất nợ quá hạn trung bình của 03 (ba) Ngân hàng, cụ thể: (1) Tại Công văn số 64/TB-BĐI.KHDN ngày 25/01/2024 về việc cung cấp thông tin lãi suất thì mức lãi suất nợ quá hạn của Ngân hàng TMCP N4 - Chi nhánh B tại thời điểm hiện nay là 16.35%/năm, (2) theo Công văn số 68/CV-CNBDI.TH ngày 25/01/2024 về việc cung cấp thông tin lãi suất thì mức lãi suất nợ quá hạn của Ngân hàng TMCP C2 - Chi nhánh B tại thời điểm hiện nay là 14,25%/năm và (3) theo Công văn số 0114/CV-BIDV.BĐ ngày 29/01/2024 về việc cung cấp thông tin lãi suất thì mức lãi suất nợ quá hạn của Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh B tại thời điểm hiện nay là 11,64%/năm.

Như vậy, lãi suất mà Cảng Q phải trả cho Công ty V từ ngày 02/4/2019 đến ngày 30/12/2019 là 274 ngày, với số tiền là 119.780.000 đồng; năm 2020, với số tiền là 159.561.000 đồng; năm 2021, với số tiền là 159.561.000 đồng; năm 2022, với số tiền là 159.561.000 đồng và từ ngày 01/01/2023 đến ngày 06/9/2023 (ngày xét xử sơ thẩm) là 249 ngày, với số tiền là 108.851.000 đồng. Tổng cộng là 707.314.000 đồng.

[3]. Về án phí kinh doanh thương mại có giá ngạch:

Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận, nên Cảng Q phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại có giá ngạch; đồng thời, yêu cầu phản tố của bị đơn (Công ty V) được chấp nhận, nên Cảng Q phải chịu án phí kinh doanh thương mại theo phần yêu cầu phản tố của bị đơn được Toà án chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 337, khoản 5 Điều 343, khoản 1 Điều 347 và Điều 349 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 02/KN-KDTM ngày 01/4/2024 của Chánh án Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Sửa Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 05/2024/KDTM-PT ngày 12/4/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

2. Áp dụng các Điều 357, 373, 463, 466, 468 và 469 của Bộ luật Dân sự; các Điều 24, 50, 54 và 55 của Luật Thương mại; xử:

2.1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần C1 về việc yêu cầu Công ty TNHH V thanh toán tiền lãi chậm trả đối với số tiền mua bán dầu 283.997.529 đồng.

2.2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty TNHH V; buộc Công ty Cổ phần C1 có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH V số tiền gốc là 1.133.250.000 đồng (một tỷ một trăm ba mươi ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) và tiền lãi là 707.314.000 đồng (bảy trăm lẻ bảy triệu ba trăm mười bốn nghìn đồng; tổng cộng là 1.840.564.000 đồng (một tỷ tám trăm bốn mươi triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền trên, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí kinh doanh thương mại:

3.1. Án phí kinh doanh thương mại có giá ngạch:

Căn cứ các khoản 3, 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Công ty Cổ phần C1 phải chịu 67.200.000 đồng (sáu mươi bảy triệu hai trăm nghìn đồng) án phí kinh doanh thương mại có giá ngạch, nhưng được trừ 7.100.000 đồng (bảy triệu một trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002817 ngày 03/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn; Công ty Cổ phần C1 còn phải chịu 60.100.000 đồng (sáu mươi triệu một trăm nghìn đồng) án phí kinh doanh thương mại có giá ngạch.

- Công ty TNHH V không phải chịu án phí kinh doanh thương mại có giá ngạch; trả lại Công ty TNHH V 22.999.000 đồng (hai mươi hai triệu chín trăm chín mươi chín nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003374 ngày 01/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn.

3.2. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

- Công ty TNHH V không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm; trả lại Công ty TNHH V 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000610 ngày 25/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn.

4. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Hội đồng giám đốc thẩm ra quyết định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- TAND thành phố Quy Nhơn;
- TANDTC - Vụ II;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- Chi cục THADS thành phố Quy Nhơn;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: H/sơ vụ án, Phòng GDKT II, LTHS.

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tào

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 04/QĐ-SCBSQĐ

Đà Nẵng, ngày 17 tháng 9 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH
SỬA CHỮA, BỔ SUNG QUYẾT ĐỊNH GIÁM ĐỐC THẨM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

Căn cứ vào Điều 268 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Xét cần sửa chữa quyết định do nhầm lẫn trong Quyết định giám đốc thẩm số 06/2024/KDTM-GĐT ngày 04 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đối với vụ án dân sự về “Tranh chấp hợp đồng mua hàng hóa, hợp đồng vay tài sản, trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền”, giữa:

1. Nguyên đơn: **Công ty Cổ phần C1**; địa chỉ: Số B P, phường H, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Lê Hồng Q** - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 228/GUQ-QNP ngày 07/3/2023 và Giấy ủy quyền số 598/GUQ-QNP ngày 30/5/2023):

1.1. Ông **Võ Gia H**, sinh năm 1996; địa chỉ: Số B P, phường H, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

1.2. Bà **Đặng Thị Kim D**, sinh năm 1992; địa chỉ: Tổ F, khu B, phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

1.3. Ông **Hồ Liên N**, sinh năm 1976; địa chỉ: Số C L, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

2. Bị đơn: Công ty TNHH V; địa chỉ: Số D C, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ Văn phòng đại diện: Số E T, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Trịnh Văn H1** - Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền (Giấy uỷ quyền số 01/2024/UQ-CL ngày 30/01/2024):

2.1. Ông Nguyễn Đức A - Trưởng phòng Pháp chế; địa chỉ: Số D H, tổ dân phố H, phường C, quận B, thành phố Hà Nội.

2.2. Bà Nguyễn Thị N3; địa chỉ: Số E T, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Dương Thị Phương T, sinh năm 1982; địa chỉ: Số E T, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

3.2. Bà Phạm Thị Thúy L, sinh năm 1994; địa chỉ: Số B P, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

3.3. Ông Nguyễn Kim T1, sinh năm 1975; địa chỉ: Số B P, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

QUYẾT ĐỊNH:

Sửa chữa, bổ sung Quyết định giám đốc thẩm số 06/2024/KDTM-GĐT ngày 04 tháng 9 năm 2024 của Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng như sau:

- Tại dòng thứ 11, 12 từ trên xuống, trang 9 của Quyết định giám đốc thẩm đã ghi: “ ... theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003374 ngày 01/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn”.

Nay sửa chữa, bổ sung như sau: “ ... theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003374 ngày 01/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn”.

- Tại dòng thứ 13, 14, 15, 16 và 17 từ trên xuống, trang 9 của Quyết định giám đốc thẩm đã ghi: “Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty TNHH V không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm; trả lại cho Công ty TNHH V 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000610 ngày 25/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn”.

Nay sửa chữa, bổ sung như sau:

Công ty Cổ phần C1 phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm 2.000.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền 2.000.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000610 ngày 25/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn.

Trường hợp Công ty Cổ phần C1 đã nhận lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo quyết định của bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm thì Công ty Cổ phần C1 phải nộp lại số tiền án phí phúc thẩm nêu trên.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Bình Định;
- TAND thành phố Quy Nhơn;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP Quy Nhơn (để thi hành);
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Phòng Giám đốc kiểm tra II và hồ sơ vụ án.

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Văn Tào